

Số: 959/HD-SGDĐT

An Giang, ngày 18 tháng 4 năm 2022

HƯỚNG DẪN
Tổ chức tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông
năm học 2022 - 2023

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ GDĐT quy định tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên; Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Phổ thông Dân tộc nội trú; Quy chế thi THPT quốc gia hiện hành;

Căn cứ Văn bản số 1371/UBND-KGVX ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang về việc thông qua Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông (THPT) và Trường phổ thông Dân tộc nội trú (DTNT) THPT An Giang năm học 2022-2023;

Tiếp theo Kế hoạch số 564/KH-SGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2022-2023 và Kế hoạch số 583/KH-SGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc tuyển sinh vào lớp 10 Trường phổ thông DTNT THPT An Giang năm học 2022-2023, Sở GDĐT hướng dẫn công tác tổ chức tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Giúp các trường nắm vững và tổ chức thực hiện tốt công tác tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022-2023, thực hiện công tác tư vấn tuyển sinh cho học sinh và cha mẹ học sinh một cách đầy đủ, rõ ràng.

- Thực hiện đúng tiến độ các công việc về tuyển sinh vào lớp 10 theo lịch tổ chức Kỳ thi, đảm bảo chính xác, khách quan.

II. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

1. Hồ sơ dự tuyển gồm

- a) Đơn đăng ký dự tuyển theo mẫu thống nhất do Sở GDĐT quy định.
- b) Bản sao giấy khai sinh.
- c) Bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở (THCS) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022.
- d) Bản chính học bạ cấp THCS.
- đ) Giấy chứng nhận được hưởng chế độ ưu tiên (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền cấp. Hồ sơ được học vượt lớp, vào học sớm hoặc muộn so với quy định.
- e) 02 ảnh 3x4 cm, kiểu ảnh chứng minh nhân dân, dán vào hồ sơ dự tuyển.

2. Nơi nộp hồ sơ dự tuyển

a) Thí sinh tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022 nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển tại các trường THCS đang học. Trường THCS sẽ tập hợp và nộp cho trường THPT nơi thí sinh đăng ký nguyện vọng 1 hoặc trường chuyên nơi thí sinh đăng ký thi tuyển.

b) Thí sinh tự do, thí sinh học ngoài tỉnh An Giang: nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại trường THPT nơi thí sinh đăng ký nguyện vọng 1 hoặc trường chuyên nơi thí sinh đăng ký thi tuyển.

Chú ý: *Mỗi thí sinh chỉ thực hiện 01 bộ hồ sơ dự thi tuyển sinh.*

III. CHẾ ĐỘ TUYỂN THĂNG

1. Đối tượng tuyển thẳng vào các trường THPT công lập

Có các đối tượng quy định như sau:

- Học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú (DTNT) THCS đã tốt nghiệp THCS;

- Học sinh là người dân tộc rất ít người (thuộc một trong các dân tộc sau: La Hủ, La Ha, Lô Lô, Chứt, Lự, Pà Thẻn, Ngái, Ô Đu, Pu Péo, Si La, Rơ Măm, Cống, Brâu, Bô Y, Mảng, Cờ Lao);

- Học sinh khuyết tật (học sinh khuyết tật phải nộp bản sao Giấy xác nhận khuyết tật do Chủ tịch UBND cấp xã cấp theo mẫu Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012);

- Học sinh đạt giải quốc gia trở lên về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh THCS và THPT.

2. Đối tượng tuyển thẳng vào Trường phổ thông DTNT THPT

Có các đối tượng được quy định như sau:

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người (thuộc một trong các dân tộc sau: La Hủ, La Ha, Lô Lô, Chứt, Lự, Pà Thẻn, Ngái, Ô Đu, Pu Péo, Si La, Rơ Măm, Cống, Brâu, Bô Y, Mảng, Cờ Lao);

- Học sinh người dân tộc thiểu số (Khmer, Chăm, Hoa,...) đủ điều kiện theo đối tượng tuyển sinh vào trường phổ thông DTNT THPT, đạt giải cấp quốc gia trở lên về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng

- Đơn đăng ký tuyển thẳng (*mẫu phụ lục 2*);
- Bản chính học bạ cấp THCS;
- Bản sao giấy khai sinh;
- Bằng tốt nghiệp THCS hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời;
- 01 ảnh 3x4 cm, kiểu ảnh chứng minh nhân dân, dán vào đơn;
- Giấy chứng nhận để chứng minh được hưởng chế độ tuyển thẳng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

*** Lưu ý:**

- Mỗi học sinh chỉ được tuyển thẳng vào một trường THPT;
- Trường hợp học sinh đủ điều kiện mà không có nguyện vọng tuyển thẳng thì phải tham gia thi tuyển hoặc xét tuyển vào lớp 10 THPT.
- Các trường THCS, Trường phổ thông DTNT THCS Tịnh Biên, Trường phổ thông DTNT THCS Tri Tôn có học sinh diện tuyển thẳng phải rà soát đúng yêu cầu, đối tượng và nhận hồ sơ, tổng hợp đơn theo từng trường THPT đăng ký tuyển thẳng, danh sách gửi về trường THPT theo thời gian quy định.
- Trường THPT phân công cán bộ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; tổng hợp số liệu đăng ký tuyển thẳng của các trường THCS và báo cáo Sở GDĐT (qua Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục).

IV. TỔ CHỨC TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

1. Đăng ký nguyện vọng và phương thức tuyển sinh

a) Đăng ký nguyện vọng

Mỗi học sinh được đăng ký dự tuyển 2 nguyện vọng vào 2 trường THPT công lập, xếp theo thứ tự ưu tiên là nguyện vọng 1 (NV1) và nguyện vọng 2 (NV2). Trường hợp học sinh có đăng ký thi tuyển vào trường chuyên thì được xét theo thứ tự: nguyện vọng vào trường chuyên, NV1, NV2.

- Đối với NV1: học sinh có thể đăng ký dự tuyển vào bất kỳ trường THPT trên toàn tỉnh (không phân biệt địa bàn tuyển sinh).

- Đối với NV2: học sinh phải đăng ký theo địa bàn tuyển sinh (*danh sách địa bàn tuyển sinh quy định tại phụ lục 4 kèm theo*)

Ngoài danh sách quy định địa bàn tuyển sinh, thí sinh được đăng ký NV2 trong các trường hợp sau đây:

+ Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên tại địa phương nào thì được đăng ký NV2 về các trường THPT đóng trên địa phương đó.

+ Học sinh ngoài tỉnh An Giang đăng ký NV1 tại trường THPT thuộc địa bàn nào thì đăng ký NV2 tại các trường THPT thuộc địa bàn đó.

Lưu ý

Học sinh có thể đăng ký nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2 vào nhóm trường thi tuyển, hoặc đăng ký nguyện vọng 1 vào nhóm trường thi tuyển và đăng ký nguyện vọng 2 tại nhóm trường xét tuyển. Tuy nhiên, học sinh không thể đăng ký nguyện vọng 1 vào nhóm trường xét tuyển và nguyện vọng 2 vào nhóm trường thi tuyển.

b) Phương thức tuyển sinh

- Tổ chức thi tuyển vào 17 trường THPT: gồm 02 trường THPT chuyên, Trường phổ thông Dân tộc nội trú THPT và những trường THPT có tỉ lệ thí sinh đăng ký cao hơn so với chỉ tiêu hoặc so với nguồn tuyển trong những năm gần đây được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức xét tuyển đối với các trường THPT, trường THCS-THPT công lập còn lại phù hợp với tình hình thực tế.

Đối với Trường chuyên và Trường phổ thông DTNT THPT: Thí sinh đăng ký vào phải đạt vòng sơ tuyển mới được tham gia thi tuyển. Cách xét vòng sơ tuyển thực hiện theo Kế hoạch số 564/KH-SGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2022.

2. Đối với nhóm trường thi tuyển

a) Môn thi và lịch thi

- Môn thi:

Công bố môn thi thứ ba trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022-2023 đối với nhóm trường thi tuyển là môn Tiếng Anh.

- Đối với thí sinh đăng ký thi tuyển vào lớp 10 trường THPT thuộc nhóm thi tuyển và Trường phổ thông DTNT THPT An Giang:

Thí sinh phải dự thi ba môn: Ngữ văn (120 phút); Toán (120 phút); Tiếng Anh (60 phút).

- Đối với thí sinh đăng ký thi vào lớp 10 trường THPT chuyên:

Thí sinh phải dự thi bốn môn: gồm ba môn cùng đề thi với thí sinh thi vào các trường THPT thuộc nhóm thi tuyển và một môn chuyên.

Các môn chuyên gồm: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tin học, Tiếng Anh. Thời gian làm bài là 150 phút/môn.

- Lịch thi:

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ mở đề tại phòng Hội đồng	Giờ phát đề tại phòng thi	Giờ bắt đầu làm bài
06/6/2022	Chiều	<i>Từ 14 giờ: Thí sinh có mặt tại Hội đồng coi thi để nghe sinh hoạt</i>				
07/6/2022	Sáng	Ngữ văn	120 phút	7 giờ 30 phút	7 giờ 40 phút	7 giờ 45 phút
	Chiều	Tiếng Anh	60 phút	13 giờ 30 phút	13 giờ 55 phút	14 giờ 00 phút
08/6/2022	Sáng	Toán	120 phút	7 giờ 30 phút	7 giờ 40 phút	7 giờ 45 phút
	Chiều	Môn chuyên	150 phút	13 giờ 30 phút	13 giờ 55 phút	14 giờ 00 phút

b) Nội dung đề thi và hình thức thi

Nội dung thi trong chương trình cấp THCS chủ yếu lớp 9, có nâng cao theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, không ra đề phần nội dung đã được giảm tải.

Các môn thi theo hình thức tự luận, riêng môn Tiếng Anh được kết hợp giữa hình thức tự luận và trắc nghiệm.

Đối với môn Tin học chuyên thí sinh thi lập trình trực tiếp trên máy tính, môn tiếng Anh chuyên có thi phần nghe.

c) Tuyển sinh vào trường chuyên

5

Điểm xét tuyển (ĐXT) vào lớp chuyên là tổng số điểm các bài thi không chuyên (hệ số 1) và điểm bài thi môn chuyên (hệ số 2).

$$\text{ĐXT} = (\text{Tổng điểm các bài thi Văn, Toán, tiếng Anh}) + (\text{Điểm bài thi chuyên} \times 2)$$

- Điểm xét tuyển vào lớp không chuyên là tổng số điểm các bài thi môn không chuyên và môn chuyên (điểm các bài thi đều tính hệ số 1).

$$\text{ĐXT} = (\text{Tổng điểm các bài thi Văn, Toán, tiếng Anh}) + (\text{Điểm bài thi chuyên})$$

- Nguyên tắc xét tuyển:

Chỉ xét tuyển đối với thí sinh tham gia thi tuyển, đã thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và các bài thi đều đạt điểm lớn hơn 2,0.

Xét tuyển vào các lớp chuyên trước, sau đó xét tuyển vào lớp không chuyên:

+ *Xét tuyển vào lớp chuyên*: căn cứ điểm xét tuyển vào lớp chuyên, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao cho từng môn chuyên. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: có điểm thi môn chuyên cao hơn; có điểm sơ tuyển cao hơn; có điểm trung bình môn chuyên đăng ký dự thi năm học lớp 9 cao hơn; có điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 cao hơn.

+ *Xét tuyển vào lớp không chuyên*: căn cứ điểm xét tuyển vào lớp không chuyên, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu các lớp không chuyên. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: có điểm thi môn chuyên tham gia tính điểm xét tuyển vào lớp không chuyên cao hơn; có điểm sơ tuyển cao hơn; có điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 cao hơn.

d) Tuyển sinh vào trường THPT thuộc nhóm thi tuyển

Điểm xét tuyển là tổng điểm 3 bài thi đã tính theo hệ số (Toán, ngữ văn hệ số 2, Tiếng Anh hệ số 1) và điểm ưu tiên.

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm thi môn Toán} + \text{Điểm thi môn Ngữ văn}) \times 2 + (\text{Điểm thi môn Tiếng Anh}) + \text{Điểm ưu tiên}$$

Trong đó:

- Điểm bài thi các môn tính theo thang điểm 10.0.
- Điểm ưu tiên theo quy định chung về chế độ ưu tiên (phụ lục 4 kèm Kế hoạch số 564/KH-SGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2022).

- Chỉ xét tuyển đối với học sinh có đủ bài thi theo quy định, không vi phạm quy chế thi đến mức hủy kết quả bài thi, không có bài thi bị điểm 0 (không).

Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên: điểm trung bình cả năm (ĐTBCN) lớp 9 cao hơn, ĐTBCN lớp 8 cao hơn, ĐTBCN lớp 7 cao hơn, ĐTBCN lớp 6 cao hơn.

6

Hội đồng tuyển sinh trường thống kê điểm xét tuyển từ cao đến thấp, lập danh sách đề nghị Sở GDĐT xem xét, phê duyệt kết quả tuyển sinh.

3. Đối với nhóm trường xét tuyển

a) Tuyển sinh vào trường THPT thuộc nhóm xét tuyển

Điểm xét tuyển là tổng số điểm của: kết quả rèn luyện, học tập các năm học lớp 6,7,8, 9 và điểm trung bình cộng của điểm kiểm tra cuối kỳ II lớp 9 của môn Toán, Văn, Anh; cộng với điểm ưu tiên.

$$\text{ĐXT} = (\text{Tổng điểm xếp loại các năm học lớp 6, 7, 8, 9}) + (\text{Điểm kiểm tra cuối kỳ II lớp 9 của môn Toán, Văn, Anh})/3 + \text{điểm ưu tiên}$$

Trong đó:

Điểm xếp loại (học lực, hạnh kiểm) của lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 9 được tính kết quả cả năm sau khi thi lại (nếu có).

Cách xét tuyển: Căn cứ quy định điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao cho từng trường. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên: điểm trung bình cả năm (ĐTBCN) lớp 9 cao hơn, ĐTBCN lớp 8 cao hơn, ĐTBCN lớp 7 cao hơn, ĐTBCN lớp 6 cao hơn.

*** Cách tính điểm theo kết quả rèn luyện và học tập (điểm xếp loại)**

Điểm xếp loại mỗi năm học của học sinh THCS được tính như sau:

- Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 10 điểm;
- Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 9 điểm;
- Hạnh kiểm khá, học lực khá: 8 điểm;
- Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 7 điểm;
- Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 6 điểm;
- Các trường hợp còn lại: 5 điểm.

Đối với học sinh mô hình trường học mới: Căn cứ Công văn số 1461/BGDĐT-GDTrH ngày 08/4/2019 của Bộ GDĐT về việc xét tốt nghiệp học sinh mô hình trường học mới để chuyển đổi xếp loại học sinh theo mô hình trường học mới sang xếp loại theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và THPT.

b) Tuyển sinh vào Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao An Giang:

- Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh tốt nghiệp THCS được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch duyệt trên cơ sở Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao quyết định triệu tập vào đầu mỗi năm học (trước tháng 9 hàng năm) tính từ thời điểm trước thời gian tuyển sinh của năm học đó; học sinh đối tượng này có nguyện vọng nộp đơn xét tuyển.

- Phương thức tuyển sinh:

Áp dụng phương thức xét tuyển như nhóm trường THPT xét tuyển. Hội đồng xét tuyển: Sở GDĐT giao Trường THPT Long Xuyên chủ trì, phối hợp với Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh An Giang thành lập Hội đồng xét tuyển cho đối tượng thí sinh đăng ký tuyển sinh vào Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao.

4. Tuyển sinh vào lớp 10 chương trình GDTX tại các trung tâm GDTX, GDNN-GDTX; vào lớp 10 chương trình GDPT tại trường ngoài công lập

Áp dụng phương thức xét tuyển để tuyển sinh vào Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX, và các trường phổ thông ngoài công lập. Điểm xét tuyển do các trung tâm, các trường quy định.

Học sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển vào các Trung tâm, Trường ngoài công lập. Các Trung tâm, các trường tiến hành xét tuyển và báo cáo số liệu về Sở GDĐT trước ngày 05/9/2022.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Hội đồng tuyển sinh

Các trường chuyên biệt, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học căn cứ vào số thí sinh dự thi vào trường mình để dự kiến thành phần Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 của trường, trình Sở GDĐT phê duyệt và ra quyết định. Các đơn vị gửi bản đề nghị có đóng dấu và file mềm về Phòng Tổ chức cán bộ - Sở GDĐT qua email lamtccb@angiang.edu.vn trước ngày **22/5/2022** theo mẫu kèm theo.

Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Thành lập Hội đồng coi thi (nếu đơn vị có tổ chức coi thi).
- Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh được Sở phê duyệt, Hội đồng tuyển sinh họp xét tuyển lấy điểm từ cao đến thấp theo số lượng thí sinh đăng ký, lập danh sách đề nghị Sở GDĐT xem xét, quyết định. Thời gian thực hiện theo lịch tổ chức tuyển sinh của tỉnh.
- Họp xét điểm chuẩn với Sở GDĐT theo kế hoạch của Sở.
- Được sử dụng con dấu của nhà trường vào các văn bản của Hội đồng.

Thành phần Hội đồng tuyển sinh và Hội đồng coi thi căn cứ *phụ lục 3* của Hướng dẫn này.

2. Tổ chức chấm thi và phúc khảo bài thi

a) Chấm thi: toàn tỉnh tổ chức 01 Hội đồng chấm thi chung. Địa điểm đặt Hội đồng chấm thi đảm bảo yêu cầu quy định về an ninh và cơ sở vật chất.

Sau khi hoàn tất khâu chấm thi, lên điểm, bàn giao kết quả điểm thi và dữ liệu cho Ban tuyển sinh; căn cứ theo thống kê và điểm thi sẽ hướng dẫn các trường THPT thực hiện xét tuyển.

b) Phúc khảo bài thi: Sở GDĐT thành lập 01 Hội đồng phúc khảo và tổ chức chấm phúc khảo bài thi nếu có đơn xin phúc khảo của các thí sinh. Thí sinh nộp đơn xin chấm phúc khảo tại trường THPT đã đăng ký dự thi tuyển.

Sở GDĐT sẽ có văn bản hướng dẫn riêng về nghiệp vụ coi thi, chấm thi và phúc khảo bài thi, vận dụng theo Quy chế thi THPT hiện hành.

3. Chuyển trường

- Học sinh trúng tuyển vào trường thi tuyển được chuyển trường vào trường xét tuyển, tuy nhiên học sinh trúng tuyển vào trường xét tuyển không được chuyển trường vào trường thi tuyển.

- Việc chuyển trường đối với học sinh mới trúng tuyển vào lớp 10 trong tỉnh chỉ giải quyết từng trường hợp cụ thể, phải có ý kiến của Hiệu trưởng hai trường và sự đồng ý của Giám đốc Sở GDĐT.

- Trong trường hợp học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, việc chuyển trường do Giám đốc Sở xem xét quyết định.

4. Chế độ bồi dưỡng công tác thu hồ sơ, kiểm tra và nhập dữ liệu

Thực hiện theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc quy định một số mức chi các kỳ thi, hội thi, và chế độ của ngành GDĐT tỉnh An Giang.

Định mức chi: 3.000 đồng/hồ sơ đăng ký thi tuyển.

Trên đây là Hướng dẫn tổ chức tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2022-2023. Sở GDĐT yêu cầu các phòng GDĐT, các trường THPT, các trường phổ thông có nhiều cấp học, Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX và các trường THCS trên toàn tỉnh nghiên cứu và thực hiện đúng hướng dẫn, đồng thời có trách nhiệm thông báo rộng rãi cho học sinh, cha mẹ học sinh biết để thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo về Sở GDĐT bằng văn bản hoặc bằng điện thoại (qua Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, điện thoại: 02963 853 174) để được hướng dẫn giải quyết.

Kèm theo Hướng dẫn có các phụ lục:

- + Lịch tổ chức tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022-2023 (phụ lục 01);
- + Đơn đăng ký tuyển thẳng vào lớp 10 (phụ lục 02);
- + Thành phần Hội đồng tuyển sinh (phụ lục 03);
- + Địa bàn tuyển sinh (có bổ sung thêm so với kế hoạch số 564/KH-SGDĐT ngày 11/3/2022) (Phụ lục 04)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở GDĐT;
- Các phòng, Thanh Tra Sở;
- Phòng GDĐT;
- Trường THPT,
- TT GDTX, TTGDNN-GDTX;
- TT đào tạo, thi đấu TDTT;
- Lưu: VT, KTKĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Khanh

**LỊCH TỔ CHỨC TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2022-2023**

Thời gian	Nội dung công việc	Thực hiện
Tháng 3/2022	<ul style="list-style-type: none"> -Phát hành văn bản, hướng dẫn công tác tuyển sinh; - Tập huấn tổ chức tuyển sinh vào lớp 10; -Hướng dẫn học sinh đăng ký NV bước 1 và công bố số lượng đăng ký nguyện vọng bước 1 lên Website của Sở GDĐT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GDĐT; - Sở GDĐT, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, Phòng GDĐT, Trường THCS. - Trường THCS, Phòng GDĐT, Sở GDĐT
Tháng 4/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn xét tốt nghiệp THCS; - Hướng dẫn học sinh lớp 9 làm thủ tục đăng ký dự thi tuyển sinh vào lớp 10. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GDĐT; - HT và GVCN lớp 9 các Trường THCS.
16/5 -21/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Các trường THCS nộp danh sách, hồ sơ thi tuyển về các trường THPT nơi thí sinh đăng ký NV1 hoặc trường chuyên; - Nộp hồ sơ tuyển thẳng của học sinh thuộc diện tuyển thẳng về trường THPT. - Gửi báo cáo cho phòng GDĐT để thống kê. - Trường THPT thu hồ sơ và nhập dữ liệu vào phần mềm. 	<p>Trường THCS, THPT và TT Đào tạo, huấn luyện và Thi đấu TĐTT</p> <p>- Trường THPT</p>
Trước 22/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Trường THPT gửi danh sách Hội đồng tuyển sinh về Sở GDĐT (thông qua Phòng TCCB) để ra quyết định. - Trường THPT báo cáo số lượng hồ sơ nhận được từ các trường THCS về Sở để chuẩn bị các khâu tiếp theo. 	Trường THPT, Sở GDĐT
Trước 24/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Các Phòng GDĐT tổng hợp số liệu và báo cáo về Sở GDĐT. 	Phòng GDĐT
Trước 25/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Các trường THPT hoàn thành nhập dữ liệu danh sách đăng ký dự tuyển. - Trường thi tuyển chuyển dữ liệu (lần 1) về Sở GDĐT qua email 	Trường THPT

	- Nộp danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển xuất từ phần mềm và đĩa CD dữ liệu về Sở	
Trước 28/5/2022	- Trường thi tuyển xử lý dữ liệu: Đánh SBD, xếp phòng thi, in danh sách phòng thi, lập Thẻ dự thi; Phát hành thẻ dự thi; chuyển dữ liệu về Sở GDĐT (lần 2)	Trường THPT
Ngày 03/6/2022	Tập huấn công tác coi thi TS10	Có thư mời riêng
Ngày 05/6/2022	Họp BLĐ Hội đồng coi thi (đối với trường thi tuyển)	HĐT
Ngày 06/6/2022	Sáng (8g00): Họp toàn thể hội đồng coi thi Chiều (14g00): Sinh hoạt với thí sinh	HĐ coi thi
Ngày 07 và 08/6/2022	Thi tuyển sinh vào lớp 10 (Báo cáo tình hình coi thi từng buổi về Sở)	HĐ coi thi
Từ 09-16/6/2022	- Chấm thi tuyển sinh 10;	HĐ chấm thi
Dự kiến trong tháng 06/2022	- Công bố điểm thi tuyển sinh 10; - Các HĐ tuyển sinh thống kê số liệu, đề nghị điểm chuẩn gửi về Sở; - Ban Tuyển sinh tỉnh xét điểm chuẩn và điểm xét tuyển cho các đơn vị;	Sở GDĐT Trường THPT
Trong vòng 7 ngày sau khi công bố điểm thi	Nhận đơn phúc khảo - Chuyển đơn về Sở	Trường THPT
	Phúc khảo bài thi tuyển sinh 10 - Công bố kết quả	HĐ phúc khảo, Sở GDĐT
Sau khi thi TN THPT	- Trường chuyên trả hồ sơ cho thí sinh không trúng tuyển vào trường chuyên để nộp vào trường NV1; - Các trường THPT trả hồ sơ cho thí sinh không trúng tuyển NV1 vào trường. - Các trường tiếp nhận hồ sơ trúng tuyển NV1 từ trường chuyên, NV2 từ các trường THPT khác.	Trường chuyên, trường THPT
Trước 05/9/2022	Học sinh không trúng tuyển vào trường THPT công lập đăng ký xét tuyển vào các TT GDTX, GDNN-GDTX; các trường ngoài công lập.	TT GDTX, GDNN-GDTX; các trường ngoài công lập.

ĐƠN ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG VÀO LỚP 10 THPT**Năm học :****Ảnh
3 x 4**

Họ tên (chữ in hoa) :

Ngày, tháng, năm sinh : Nơi sinh :

Địa chỉ :

Đã tốt nghiệp THCS Trường :

Đăng ký tuyển thẳng vào lớp 10 trường THPT :

Diện tuyển thẳng :

Hồ sơ xác nhận kèm theo :

Xác nhận của Cha (Mẹ) học sinh

Ngày tháng năm 2022

*(Học sinh ký, ghi họ tên)**(ký, ghi rõ họ tên)*

....., ngày tháng năm 2022

Hiệu trưởng*(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú : Cha (Mẹ) học sinh tự ghi câu : " Tôi đã đọc đơn đăng ký tuyển thẳng vào lớp 10 và thống nhất với nội dung đã đăng ký ".

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH VÀ HỘI ĐỒNG COI THI

1. Hội đồng tuyển sinh

Trường THPT dự kiến nhân sự thành lập Hội đồng tuyển sinh gửi về Sở GDĐT ra quyết định (thông qua Phòng Tổ chức cán bộ). Thành phần của hội đồng gồm có:

- Chủ tịch: là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng.
- Phó Chủ tịch: là các Phó Hiệu trưởng.
- Thư ký: là thư ký hội đồng trường.
- Các uỷ viên: là tổ trưởng bộ môn.

Số thành viên của Hội đồng không vượt quá:

- 05: nếu số thí sinh dự tuyển dưới 500 thí sinh
- 07: nếu số thí sinh dự tuyển từ 501 đến dưới 1000 thí sinh
- 09: nếu số thí sinh dự tuyển từ 1000 thí sinh trở lên.

Thành viên Hội đồng tuyển sinh là người có kinh nghiệm, đạo đức, tinh thần trách nhiệm và được lựa chọn trong số cán bộ quản lý, giáo viên của nhà trường; ngoài ra phải đảm bảo điều kiện:

- + Không có vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột; anh, chị, em vợ hoặc chồng; người giám hộ hoặc đỡ đầu; người được giám hộ hoặc được đỡ đầu tham dự kỳ thi tại Hội đồng;
- + Không đang trong thời gian bị kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Hội đồng coi thi

Hội đồng tuyển sinh Trường THPT ra quyết định thành lập Hội đồng coi thi gửi về Sở GDĐT (để báo cáo thông qua Phòng Tổ chức cán bộ). Thành phần gồm:

- Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng.
- Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng (nếu có từ 20 phòng thi trở lên bố trí 2 Phó Chủ tịch).
- Thư ký: giáo viên (nếu có từ 20 phòng thi trở lên thì chọn 2 thư ký)
- Giám thị: giáo viên; số giám thị bằng số phòng thi x 2.5
- Phục vụ: dưới 15 phòng thi: 01 người; từ 16 đến 30 phòng thi: 02 người; trên 30 phòng thi: 03 người.
- Y tế: 01 người
- Bảo vệ: 02 người
- Công an: 01 công an bảo vệ đề thi, bài thi; 01 công an bảo vệ vòng ngoài.

(Tùy đặc điểm, tình hình của Hội đồng thi, có thể tăng cường thêm bảo vệ, công an để đảm bảo kỳ thi an toàn, nghiêm túc)

Thành viên Hội đồng coi thi là người có kinh nghiệm, đạo đức, tinh thần trách nhiệm và được lựa chọn trong số cán bộ quản lý, giáo viên của nhà trường; ngoài ra phải đảm bảo điều kiện:

- + Không có vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột; anh, chị, em vợ hoặc chồng; người giám hộ hoặc đỡ đầu; người được giám hộ hoặc được đỡ đầu tham dự kỳ thi tại Hội đồng;
- + Không đang trong thời gian bị kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**ĐỊA BÀN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2022 – 2023**

(có bổ sung thêm so với kế hoạch số 564/KH-SGDĐT ngày 11/3/2022)

Trường THPT chuyên không phân biệt địa bàn. Các trường THPT công lập khác, học sinh đăng ký 2 nguyện vọng: Nguyện vọng 1 được chọn tất cả các trường trong tỉnh; **nguyện vọng 2 phải theo địa bàn quy định** như sau:

STT	Đăng ký tuyển sinh vào Trường THPT	Học sinh của các trường THCS thuộc huyện, thị, TP lân cận	Học sinh của các trường THCS trong huyện, thị, TP
Thành phố Long Xuyên			
1	Thực hành sư phạm	Tất cả học sinh	Tất cả học sinh
2	Long Xuyên	1. Phú Hòa (Thoại Sơn) 2. Vĩnh Thành (Châu Thành) 3. Nguyễn Văn Tây (Hòa Bình cũ – Chợ Mới) 4. Nguyễn Văn Ba (Hội An 2 cũ – Chợ Mới)	1. Bình Khánh 2. Bùi Hữu Nghĩa 3. Hùng Vương 4. Lý Thường Kiệt 5. Mạc Đĩnh Chi 6. Nguyễn Huệ
3	Nguyễn Hiền	1. An Châu (Châu Thành) 2. Phú Hòa (Thoại Sơn)	7. Mỹ Quý 8. Mỹ Thới
4	Nguyễn Công Trứ	1. Nguyễn Văn Tây (Hòa Bình cũ- Chợ Mới) 2. Phú Thuận (Thoại Sơn) 3. Nguyễn Văn Cung (Hòa An cũ- Chợ Mới)	9. Ngô Gia Tự 10. Nguyễn Trãi 11. Phan Văn Trị 12. Trần Hưng Đạo 13. THCS-THPT Mỹ Hòa Hưng (lớp 9)
5	THCS-THPT Mỹ Hòa Hưng	1. Nguyễn Văn Tây (Chợ Mới)	14. Phổ thông Thực hành sư phạm (lớp 9)
Huyện Thoại Sơn			
1	Vọng Thê	1. Tân Tuyền (Tri Tôn)	1. Bình Thành
2	Nguyễn Văn Thoại		2. Định Mỹ
3	Vĩnh Trạch	1. Vĩnh Nhuận (C.Thành) 2. Vĩnh Thành (Châu Thành) 3. Hòa Bình Thạnh (C.Thành) 4. Vĩnh Lợi (Châu Thành)	3. Định Thành 4. TT Núi Sập 5. Nguyễn Công Trứ (trường THCS Óc Eo cũ) 6. TT Phú Hòa
4	Nguyễn Khuyến	1. Vĩnh Thành (Châu Thành) 2. Mạc Đĩnh Chi (Lxuyên) 3. Phan Văn Trị (Lxuyên)	7. Phú Thuận 8. Tây Phú 9. Vĩnh Chánh 10. Vĩnh Khánh 11. Vĩnh Phú 12. Vĩnh Trạch 13. Thoại Giang 14. Vọng Đông 15. Vọng Thê

Huyện Châu Thành			
1	Nguyễn Bình Khiêm	1. Bình Thủy (Châu Phú) 2. Bình Mỹ (Châu Phú) 3. Phan Thành Long (Nhơn Mỹ cũ – Chợ Mới) 4. Trần Hưng Đạo (L.Xuyên)	1. An Châu 2. An Hòa 3. Bình Thạnh 4. Cần Đăng 5. Hòa Bình Thạnh
2	Cần Đăng	1. Bình Chánh (Châu Phú)	6. Quán Cơ Thành
3	Vĩnh Bình	1. Bình Phú (Châu Phú) 2. Bình Chánh (Châu Phú) 3. Tà Đảnh (Tri Tôn) 4. Tây Phú (Thoại Sơn)	7. Tân Phú 8. Vĩnh An 9. THCS-THPT Vĩnh Nhuận (lớp 9) 10. Vĩnh Bình 11. Vĩnh Thành 12. Vĩnh Lợi 13. Vĩnh Hanh
4	THCS-THPT Vĩnh Nhuận	1. Tây Phú (Thoại Sơn) 2. Vĩnh Phú (Thoại Sơn)	
Huyện Châu Phú			
1	Trần Văn Thành	1. Phú Bình (Phú Tân) 2. Hòa Lạc (Phú Tân) 3. Hiệp Xương (Phú Tân) 4. Bình Thạnh Đông (Phú Tân)	1. THCS-THPT Bình Chánh (lớp 9) 2. THCS-THPT Bình Long (lớp 9) 3. Bình Mỹ 4. Bình Phú 5. Bình Thủy
2	Thanh Mỹ Tây	1. Ngô Quyền (Tịnh Biên)	6. Cái Dầu
3	Châu Phú	1. Nguyễn Trãi (Châu Đốc) 2. Nguyễn Đ Chiêu (C.Đốc) 3. Thủ Khoa Huân (C.Đốc) 4. Trương Gia Mô (C. Đốc) 5. Vĩnh Châu (Châu Đốc) 6. Vĩnh Mỹ (Châu Đốc) 7. Vĩnh Ngươn (Châu Đốc) 8. Vĩnh Tế (Châu Đốc) 9. Hòa Lạc (Phú Tân) 10. Phú Bình (Phú Tân) 11. Phú Hiệp (Phú Tân)	7. Đào Hữu Cảnh 8. Khánh Hòa 9. Mỹ Đức 10. Mỹ Phú 11. Ô Long Vĩ 12. Thanh Mỹ Tây 13. Vĩnh Thạnh Trung 1 14. Vĩnh Thạnh Trung 2 15. THCS Bình Long
4	THCS-THPT Bình Long	1. Phú Bình (Phú Tân) 2. Hòa Lạc (Phú Tân) 3. Hiệp Xương (Phú Tân) 4. Bình Thạnh Đông (Phú Tân)	
5	Bình Mỹ	1. Tân Hòa (Phú Tân) 2. Hiệp Xương (Phú Tân) 3. Bình Thạnh Đông (Phú.Tân) 4. An Hòa (Châu Thành) 5. Nguyễn Kim Nha (Chợ	

		Mới) 6. Tân Trung (Phú Tân)	
6	THCS-THPT Bình Chánh		
Thành phố Châu Đốc			
1	Dân tộc nội trú	Tất cả học sinh có đủ điều kiện	Tất cả học sinh có đủ điều kiện
2	Châu Thị Tế	1. Đa Phước (An Phú) 2. Nhơn Hội (An Phú) 3. Quốc Thái (An Phú) 4. Vĩnh Hội Đông (An Phú) 5. Châu Phong (Tân Châu) 6. Hòa Lạc (Phú Tân) 7. Phú Hiệp (Phú Tân)	1. Nguyễn Đình Chiểu 2. Nguyễn Trãi 3. Thủ Khoa Huân 4. Trương Gia Mô 5. Vĩnh Châu 6. Vĩnh Mỹ 7. Vĩnh Nguơn 8. Vĩnh Tế
3	Võ Thị Sáu	1. Phú Hiệp (Phú Tân) 2. Mỹ Đức (Châu Phú) 3. Khánh Hòa (Châu Phú) 4. Ô Long Vĩ (Châu Phú) 5. Đa Phước (An Phú) 6. Lê Chánh (Tân Châu) 7. Châu Phong (Tân Châu)	
Huyện Tịnh Biên			
1	Tịnh Biên	1. Vĩnh Tế (Châu Đốc) 2. Trương Gia Mô (CĐốc)	1. Cao Bá Quát 2. Đoàn Minh Huyền 3. Núi Cấm 4. Lê Hồng Phong 5. Lê Văn Duyệt 6. Lương Thế Vinh 7. Ngô Quyền 8. Nguyễn Bình Khiêm 9. Nguyễn Sinh Sắc 10. Nguyễn Văn Trỗi 11. Phan Bội Châu 12. Phan Chu Trinh 13. Trần Đại Nghĩa 14. Trần Quang Khải 15. Võ Trường Toản
2	Chi Lăng		
3	Xuân Tô		
Huyện Tri Tôn			
1	Nguyễn Trung Trực	1. Ngô Quyền (Tịnh Biên) 2. Núi Cấm (Tịnh Biên) 3. Nguyễn Bình Khiêm (Tịnh Biên)	1. An Tức 2. Ba Chúc 3. Châu Lăng
2	Cô Tô	1. Trần Quang Khải (Tịnh Biên)	4. Cô Tô
3	Ba Chúc		5. Lạc Quới 6. Lê Trì 7. Lương An Trà 8. Lương Phi 9. Núi Tô

			10. Ô Lâm 11. Tà Đảnh 12. Tân Tuyên 13. Tri Tôn 14. Vĩnh Gia
Huyện An Phú			
1	An Phú	1. Nguyễn Trãi (Châu Đốc) 2. Nguyễn Đ Chiêu (C.Đốc) 3. Thủ Khoa Huân (C.Đốc) 4. Trương Gia Mô (C. Đốc) 5. Vĩnh Châu (Châu Đốc) 6. Vĩnh Mỹ (Châu Đốc) 7. Vĩnh Ngươn (Châu Đốc) 8. Vĩnh Tế (Châu Đốc)	1. An Phú 2. Đa Phước 3. Khánh An 4. Khánh Bình 5. THCS-THPT Long Bình (lớp 9) 6. Nhơn Hội 7. Phú Hội 8. Phú Hữu 9. Phước Hưng
2	Quốc Thái		10. Quốc Thái
3	Vĩnh Lộc		11. Vĩnh Hậu 12. Vĩnh Hội Đông 13. Vĩnh Lộc 14. Vĩnh Trường
4	THCS-THPT Long Bình		
Thị xã Tân Châu			
1	Tân Châu	1. Long Hòa (Phú Tân) 2. Phú Lâm (Phú Tân) 3. Phú Long (Phú Tân) 4. Phú Thạnh (Phú Tân)	1. Châu Phong 2. Chu Văn An 3. Lê Chánh 4. Long An 5. Long Phú 6. Long Sơn 7. Long Thạnh 8. Phú Lộc 9. Phú Vĩnh 10. Tân An 11. Vĩnh Hòa 12. Vĩnh Xương 13. Tân Thạnh
2	Nguyễn Sinh Sắc	Long Hòa (Phú Tân) Phú Lâm (Phú Tân) Phú Long (Phú Tân) Phú Thạnh (Phú Tân)	
3	Nguyễn Quang Diêu		
4	Châu Phong	1. Phú Hiệp (Phú Tân) 2. Nguyễn Trãi (Châu Đốc) 3. Nguyễn Đ Chiêu (C.Đốc) 4. Thủ Khoa Huân (C.Đốc) 5. Trương Gia Mô (C. Đốc) 6. Vĩnh Châu (Châu Đốc) 7. Vĩnh Mỹ (Châu Đốc) 8. Vĩnh Ngươn (Châu Đốc) 9. Vĩnh Tế (Châu Đốc) 10. Vĩnh Hậu (An Phú) 11. Vĩnh Trường (An Phú) 12. Đa Phước (An Phú)	
5	Vĩnh Xương		
Huyện Phú Tân			
1	Bình Thạnh Đông		1. Bình Thạnh Đông
2	Chu Văn An	1. Lê Triệu Kiệt (Kiến An cũ -	2. Chợ Vàm

		Chợ Mới) 3. Nguyễn Kim Nha (Mỹ Hội Đông cũ - Chợ Mới)	3. Hiệp Xương
3	Hòa Lạc	1. Khánh Hòa (Châu Phú)	4. Hòa Lạc
4	Nguyễn Chí Thanh		5. Long Hòa
5	THCS-THPT Phú Tân		6. Phú An
			7. Phú Bình
			8. Phú Hiệp
			9. Phú Hưng
			10. Phú Lâm
			11. Phú Long
			12. Phú Mỹ
			13. Phú Thành
			14. Phú Thạnh
			15. Phú Thọ
			16. Phú Xuân
			17. Tân Hòa
			18. Tân Trung
			19. THCS-THPT Phú Tân (lớp 9)
Huyện Chợ Mới			
1	Châu Văn Liêm		1. Dương Bình Giang (An Thạnh Trung cũ)
2	Ung Văn Khiêm		2. Nguyễn Thanh Sơn (Bình Phước Xuân cũ)
3	Lương Văn Cù	1. Bình Thạnh (Châu Thành) 2. An Hòa (Châu Thành)	3. Nguyễn Đăng Sơn (TT Chợ Mới cũ)
4	Nguyễn Văn Hưởng		4. Nguyễn Văn Cung (Hòa An cũ)
5	Nguyễn Hữu Cảnh		5. Nguyễn Văn Tây (Hòa Bình cũ)
6	Võ Thành Trinh	1. Nguyễn Trãi (LX) 2. Lý Thường Kiệt (LX) 3. Bùi Hữu Nghĩa (LX) 4. Mỹ Quý (LX) 5. PT THSP (lớp 9)	6. Lê Hưng Nhượng (Hội An cũ)
7	Huỳnh Thị Hương		7. Nguyễn Văn Ba (Hội An 2 cũ) 8. Lê Triệu Kiệt (Kiến An cũ) 9. Lê Tín Đôn (Kiến Thành cũ) 10. Võ Ánh Đăng (Long Điền A cũ) 11. Nguyễn Cao Cảnh (Long Điền B) 12. Nguyễn Trung Trực (Long Giang cũ) 13. Đoàn Bảo Đức (Long Kiến cũ) 14. Hoàng Hiệp (Mỹ An cũ)

- | | | | |
|--|--|--|--|
| | | | 15. Trương Công Thận
(Mỹ Hiệp cũ)
16. Nguyễn Kim Nha
(Mỹ Hội Đông cũ)
17. Nguyễn Quang Sáng
(Mỹ Luông cũ)
18. Phan Thành Long
(Nhơn Mỹ cũ)
19. Nguyễn Văn Thư
(Tân Mỹ cũ) |
|--|--|--|--|